

Bản án số: 256/2019/DS-PT

Ngày: 01 - 10 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Ông Nguyễn A Đam

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Răng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 và 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 189/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc A, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A: Ông Trần Văn Đạo, là Luật sư Chi nhánh Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Công Hùng và cộng sự tại Cà Mau thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số 185, đường sông Gành Hào, khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

2. Ông Huỳnh Thạch S, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà k, đường s, khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Ông Lê Minh Châu – Luật sư Văn phòng luật sư Lê Minh Châu thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

2. Bà Phạm Thị G, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 185, đường sông Gành Hào, khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà G: Anh Huỳnh Thanh D1, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: đường sông Gành Hào, khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

3. Bà Nguyễn Ngọc D2, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Nhà k, đường s, khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

4. Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 1957 (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1957 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh C ..

6. Ủy ban nhân dân thành phố Cà M.

Địa chỉ: khóm 1, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hoàng V1 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cà M. Ông V1 ủy quyền cho bà Lê Thị Bích Nhiên – Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Cà Mau tham gia tố tụng tại Tòa (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Huỳnh Văn Dân, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: khóm 7, phường 7, thành phố C, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Thanh L là bị đơn, bà Nguyễn Ngọc D2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Trần Ngọc A trình bày:* Năm 1997 bà A có nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Kiệm là chị ruột ông L phần đất 2,5 công tầm 3m diện tích 3.240m² loại đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại khóm 7, phường 7, thị xã Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Năm 1998 bà A được UBND thị xã Cà Mau (nay là thành phố Cà Mau) cấp quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 05 thửa 0421 diện tích 3.240 m² đất nuôi tôm. Sau khi được cấp giấy chứng nhận bà có cho ông Huỳnh Văn Cần là anh ruột ông L mượn để làm ruộng nuôi tôm. Đến năm 2000, ông Cần giao lại cho ông L mượn canh tác cho đến năm 2017 bà lấy lại đất thì phát hiện ông L lấn chiếm của bà diện tích 153,2m², anh S lấn chiếm 25,8m². Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Buộc ông Huỳnh Thanh L, bà Phạm Thị G tháo dỡ cọc, hàng rào và các loại cây trồng có trên đất để trả bà phần đất diện tích 153,2m².

Buộc anh Huỳnh Thạch S, chị Nguyễn Ngọc D2 tháo dỡ nhà và vật kiến trúc trên đất để trả lại phần đất diện tích 25,8m².

- *Bị đơn ông Huỳnh Thanh L trình bày:* Phần đất hiện ông đang quản lý, sử dụng là của cụ Huỳnh Văn Ký và cụ Nguyễn Thị Xinh là cha mẹ ông để lại. Phần đất này do cụ Ký, cụ Xinh chuyển nhượng của ông Lê Công Quang vào năm 1967 tổng diện tích hơn 14.000m². Đến năm 1982 cha mẹ cho ông Cần 05 công đất tầm 3m, phần còn lại diện tích 12.520m² thì cụ Ký, cụ Xinh quản lý sử dụng.

Năm 1994 cụ Ký, cụ Xinh chết anh em hợp phân chia đất gồm: Bà Huỳnh Thị Kiệm được chia là 2,5 công tầm 3m, ông Huỳnh Văn Dân được chia 02 công tầm 3m, phần đất còn lại có hình tam giác ông L được quản lý thờ cúng cha mẹ.

Phần đất của bà Huỳnh Thị Kiệm sau khi được chia bà Kiệm chuyển nhượng lại cho bà A. Phần ông L được chia thì năm 2000 ông L lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, đến năm 2002 được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 3.305m². Ông L xác định không lấn chiếm đất của bà A nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Huỳnh Thạch S, chị Nguyễn Ngọc D2 trình bày: Anh chị có chuyển nhượng đất của ông L hai lần, lần thứ nhất nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 136m² chiều ngang 4m x dài 34m giáp ranh với phần đất ông L chuyển nhượng cho bà T và ông M, phần đất này không có tranh chấp với bà A, anh chị đã được cấp quyền sử dụng. Lần thứ hai anh chị chuyển nhượng của ông L thêm phần đất diện tích 160m² chiều ngang 8m x dài 20m trong đó có một bên tiếp giáp cận ranh với phần đất của bà A, khi chuyển nhượng có lập hợp đồng viết giấy tay, chưa lập thủ tục sang tên. Trên phần đất nhận chuyển nhượng lần hai anh chị có xây dựng dãy nhà trọ.

Trường hợp đo đạc thực tế mà diện tích xây dựng dãy nhà trọ của anh chị có lấn sang phần đất của bà A thì anh chị sẽ tự nguyện di dời nhà hoặc thỏa thuận với bà A.

Ông Phạm Thanh B trình bày: Ông là chồng của bà Trần Ngọc A, đất tranh chấp với ông L, anh S là tài sản riêng của bà A nên bà A quyết định, ông không có ý kiến gì.

Anh Huỳnh Thanh D1 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của ông L và bà G, vì vậy anh D1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A.

Bà Phạm Ngọc T và ông Nguyễn Văn M trình bày: Vợ chồng ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông L phần đất diện tích 136m² chiều ngang 4m x dài 34m đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có một bên tiếp giáp với phần đất bà A. Ông bà xác định ranh giữa các bên khi thẩm định đo đạc, tại bản vẽ đã thể hiện lấn sang phần đất của bà A là 7m², ông bà sẽ đồng ý trả khi bà A yêu cầu, hiện trên phần đất này không có vật kiến trúc hay cây trồng.

Ủy ban nhân dân thành phố Cà M: Không có ý kiến gì đối với nội dung tranh chấp giữa bà Trần Ngọc A, ông Huỳnh Thanh L, anh Huỳnh Thạch S.

Tại bản án sơ thẩm số: 84/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Ngọc A đối với ông Huỳnh Thanh L và anh Huỳnh Thạch S.

Buộc ông Huỳnh Thanh L, bà Phạm Thị G tháo dỡ cọc, hàng rào và cây trồng di dời đi nơi khác để trả lại phần đất diện tích 153,2m² (ký hiệu NTS6/153,2m²) cho bà Trần Ngọc A.

Buộc anh Huỳnh Thạch S, chị Nguyễn Ngọc D2 tháo dỡ nhà và vật kiến trúc di dời đi nơi khác để trả lại phần đất diện tích 25,8m² (trong đó phần đất ký hiệu: NTS 5/10,3m² và NTS 4/15,5m²) cho bà Trần Ngọc A.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng đo đạc ngày 14/3/2019 Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ Quan trắc Tài nguyên và Môi trường).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/7/2019, ông Huỳnh Thanh L, bà Nguyễn Ngọc D2 có đơn kháng cáo, nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Huỳnh Thanh L, bà Nguyễn Ngọc D2 giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông L tranh luận: Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại với lý do: Xem xét lại tính pháp lý của tờ di ngôn do ông Ký lập ngày 22/10/1994; xác minh toàn bộ phần diện tích đất của ông Ký trong đó có phần đất cho ông Cần; Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân phường 7 thành phố Cà Mau có những phần gạch bỏ gây bất lợi cho ông L.

Bà A và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà A tranh luận không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông L và chị D2, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Thanh L, chị Nguyễn Ngọc D2. giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ông Huỳnh Thanh L không đồng ý với bản án sơ thẩm buộc ông L, bà G tháo dỡ cọc, hàng rào và cây trồng di dời đi nơi khác để trả lại phần đất diện tích 153,2m² cho bà A. Chị Nguyễn Ngọc D2 không đồng ý với bản án sơ thẩm buộc anh S, chị D2 tháo dỡ nhà và vật kiến trúc di dời đi nơi khác để trả lại phần đất diện tích 25,8m² cho bà A. Vì vậy ông L và chị D2 đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo của ông L, chị D2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Theo kết quả xem xét thẩm định, đo đạc thực tế ngày 14/3/2019, phần đất tranh chấp có diện tích 179m^2 tọa lạc tại khóm 7, phường 7, thành phố C., tỉnh Cà Mau. Trong đó phần đất tranh chấp ông L và bà G quản lý diện tích $153,2\text{m}^2$, anh S và chị D2 quản lý diện tích $25,8\text{m}^2$. Phần đất tranh chấp giữa các bên đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bà A xác định phần đất tranh chấp bà A được cấp quyền sử dụng năm 1998, ngược lại ông L, chị D2 xác định phần đất tranh chấp ông L được cấp quyền sử dụng năm 2002.

[3] Xét về nguồn gốc phần đất bà A được cấp quyền sử dụng năm 1998 thuộc tờ bản đồ số 05 thửa 0421 diện tích 3.240m^2 là do bà A nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị Kiệm. Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận phần đất bà A nhận chuyển nhượng là đúng với vị trí, đúng diện tích cụ Ký tặng cho bà Kiệm trước đó thể hiện đất có hình thể mặt tiền, mặt hậu hai cạnh bằng nhau dài 18m, hai cạnh bên là hai đường thẳng song song mỗi cạnh dài 180m. Năm 1998 bà A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xét thấy về trình tự thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho bà A là đúng quy định.

[3] Đối với phần đất của ông L, bà G được cụ Ký tặng cho theo tờ di ngôn lập vào 22/10/1994. Năm 2002 ông L, bà G được Ủy ban nhân dân thành phố Cà M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.305m^2 . Việc ông L được cấp quyền sử dụng đất là sau thời gian bà A được cấp quyền sử dụng, tuy nhiên khi lập thủ tục cấp quyền sử dụng chỉ do ông L tự xác định ranh, không có sự chứng kiến của bà A. Đối chiếu diện tích đất ông L được cấp quyền sử dụng thì diện tích đất thực tế là nhiều hơn so với diện tích đất được cụ Ký tặng cho. Lý giải cho vấn đề này ông L cho rằng khi cụ Ký lập tờ di ngôn là do trong trạng thái tinh thần không minh mẫn, tuy nhiên ngoài lời trình bày thì ông L không có căn cứ gì để chứng minh việc cụ Ký không minh mẫn tại thời Điểm lập tờ di ngôn.

[4] Sau khi được cấp quyền sử dụng, ông L đã chuyển nhượng lại cho nhiều người và đã tách quyền sử dụng đất, diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận sau khi chuyển nhượng tách quyền sử dụng cho người khác thì phần đất ông L còn lại có diện tích là 2.058m^2 . Tuy nhiên trên thực tế anh S, chị D2 và ông L cùng xác định ngoài diện tích đất chuyển nhượng cho anh S, chị D2 đã tách giấy chứng nhận thì ông L còn chuyển nhượng thêm cho anh S, chị D2 diện tích 160m^2 chưa được tách giấy chứng nhận. Căn cứ vào bản vẽ trích đo hiện trạng đã được các bên đương sự thừa nhận tự xác định ranh thì diện tích đất thực tế ông L đang quản lý sử dụng có diện tích $1.900,8\text{m}^2$, diện tích đất thực tế anh S, chị D2 quản lý chưa tách quyền sử dụng 160m^2 , như vậy tổng diện tích thực tế ông L và anh S, chị D2 quản lý sử dụng là nhiều hơn diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông L. Ngược lại phần đất của bà A đang quản lý sử dụng có diện tích $2.955,3\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận còn thiếu diện tích $284,7\text{m}^2$.

[5] Xét quá trình quản lý sử dụng phần đất của bà A sau khi nhận chuyển nhượng của bà Kiệm thấy rằng: Năm 2008 bà A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, bà A cho ông Cản mượn làm ruộng nuôi tôm đến năm 2000, từ năm 2000 đến năm 2017 cho ông L thuê làm ruộng. Thời gian ông L thuê đất làm ruộng, ông

L có trồng hàng dừa trên đất của bà A nên bà A đã yêu cầu ông L chặt đốn, tại phiên tòa ông L thừa nhận việc chặt đốn dừa do ông thực hiện theo yêu cầu của bà A. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện trạng có thể hiện nhiều gốc dừa đã bị chặt đốn nằm trên phần đất tranh chấp, điều đó thể phần đất tranh chấp không đúng tại vị trí hàng rào do ông L xây dựng, cũng như tại vị trí vách nhà anh S, chị D2 xây cất. Hơn nữa theo theo bản trích đo hiện trạng, so sánh vị trí hàng rào với vị trí nhà anh S, chị D2 nhận thấy có đoạn gấp khúc, điều này là mâu thuẫn với lời trình bày của chính ông L xác định khi cụ Ký tặng cho bà Kiệm thì ranh đất là đường thẳng không gấp khúc. Do đó, việc bà A xác định ranh giới phần đất của bà tính từ các Điểm M1M2M3M4M5M6M7 là có căn cứ.

[6] Tại biên bản hòa giải ngày 17/5/2018 của UBND phường 7, thành phố Cà Mau về việc giải quyết tranh chấp giữa bà A với ông L, thể hiện ông L thống nhất lấy từ ranh đất của ông Ngô Hoàng Khởi đo ra 02m để làm lộ, phần còn lại là đất của bà A. Như vậy, theo thỏa thuận thì phần đất của bà A giáp ranh với phần đất của ông Khởi mặt tiền lộ Cà Mau – Hòa Thành. Ông L đã xác định ông không có phần đất chiều ngang mặt tiền giáp lộ Cà Mau – Hòa Thành. Biên bản hòa giải ông L có ký tên, cuối biên bản thể hiện mỗi bên được giữ 1 như vậy việc ông L cũng như luật sư bảo vệ ông liêm cho rằng UBND phường 7 thành phố Cà Mau tự ý gạt bỏ nhiều chữ để gây bất lợi cho ông L là không có cơ sở.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, chị D2 yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng ông L, chị D2 không nêu được căn cứ gì, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, chị D2.

[8] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ hủy án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của ông L, chị D2, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[9] Do không chấp nhận kháng cáo của ông L, chị D2, nên chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm ông L, ông S phải chịu theo quy định.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm ông L, chị D2 phải chịu; chi phí thẩm định bổ sung số tiền 500.000 đồng ông L tự chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Thanh L, chị Nguyễn Ngọc D2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 84/2019/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Ngọc A đối với ông Huỳnh Thanh L và ông Huỳnh Thạch S.

Buộc ông Huỳnh Thanh L, bà Phạm Thị G tháo dỡ cọc, hàng rào và cây trồng di dời đi nơi khác để trả lại cho bà Trần Ngọc A phần đất diện tích 153,2m² tọa lạc tại khóm 7, phường 7, thành phố C., tỉnh Cà Mau vị trí M5N6N7M4.

Buộc anh Huỳnh Thạch S, chị Nguyễn Ngọc D2 tháo dỡ nhà và vật kiến trúc khác đi nơi khác để trả lại cho bà Trần Ngọc A phần đất diện tích 25,8m² tọa lạc tại khóm 7, phường 7, thành phố C., tỉnh Cà Mau vị trí M6N4N5M5.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng đo đạc ngày 14/3/2019 Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ Quan trắc Tài nguyên và Môi trường).

Các đương sự có nhu cầu lập thủ tục điều chỉnh lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp hiện trạng thì chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký lập thủ tục điều chỉnh lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định căn cứ theo biên bản đo đạc hiện trạng ngày 14/3/2019 của Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau.

Về chi phí thẩm định: Anh Huỳnh Thạch S, hoàn trả chi phí cho bà A số tiền 3.045.000 đồng và ông Huỳnh Thanh L, bà Phạm Thị G hoàn trả cho bà A số tiền 18.270.000 đồng.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L, bà G và anh S, chị D2 không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên, thì ông L, bà G và anh S, chị D2 còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chi phí thẩm định bổ sung ông Huỳnh Thanh L phải chịu số tiền 500.000 đồng, ông L đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Thanh L, bà Phạm Thị G phải chịu số tiền 37.670.732 đồng (chưa nộp). Anh Huỳnh Thạch S phải chịu số tiền 7.205.231 đồng (chưa nộp). Bà Trần Ngọc A không phải chịu. Ngày 21/6/2018 bà A đã dự nộp số tiền 538.000 đồng theo lai số 0000952 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại khi bản án có hiệu lực.

Về án phí dân sự phúc thẩm ông L phải chịu số tiền 300.000 đồng, chị D2 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02/7/2019 ông L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000381, chị D2 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000382 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Trung